

LD VIETSOVPETRO
TRƯỜNG BAN DBTT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 01/11/2024

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		RC10+TTC1+P6	7:25	0+5+15	0+0+0		0+6+16	0+0+0	CHUYEN 2 RC10-TTC1
2		P8+P3+BK19	7:25	20+0+0	0+0+0		13+6+3	0+0+0	
3		BK21+TTC2+TTC3	9:25	8+5+5	0+0+0		5+4+7	0+0+0	
4		P6+BK15+BK8	9:25	14+8+0	0+0+0		11+8+3	0+0+0	
5		TD1+P1+BK4	11:25	15+7+0	0+0+0		5+10+6	0+0+0	
6		BK14+CTK3+P8	11:25	2+0+13	0+0+0		0+8+13	0+0+0	
7		P10+TD5+CLO	13:25	14+0+4	0+0+0		1+18+1	0+0+0	1 NGỒI TÀM GHẾ PHỤ

TTPDSX



FLIGHT MANIFEST



DATE: 01/11/2024	TO: P8 - P3 - BK19	AIRCRAFT: 428	ETD: 07:35
FLIGHT: 02	FROM: VT	CREW: HÙNG - M.ĐỨC - HUY	ETA: 09:25
CAM-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	SAKORN ROMPOYEN	P8	61	1	8	1	15	67	PVD BAKEI	Thailand
2	PHẠM VĂN TRI	P8	45	1	7			72	KHOAN	Vietnamese
3	TRẦN TRỌNG TIỀN	P8	60	1	14			78	KHOAN	Vietnamese
4	ĐÌNH QUANG TRUNG	P8	53	1	5	1	8	77	KH-THAC	Vietnamese
5	HUYNH CHÁNH PHÁT	P8	46	1	5			64	KH-THAC	Vietnamese
6	TRẦN ANH TRI	P8	47	1	4			63	KH-THAC	Vietnamese
7	PHẠM THẾ CHINH	P8	52	1	11			56	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN NGỌC LƯƠNG	P8	59	1	15	1	22	71	XAYLAP	Vietnamese
9	NGUYỄN VĂN LỢI	P8	57	1	17			64	XAYLAP	Vietnamese
10	HÀ XUÂN BÌNH	P8	42-43	2	16			69	XAYLAP	Vietnamese
11	PHAN LÊ THẾ ANH	P8	58	1	13			77	XAYLAP	Vietnamese
12	TRẦN CHÂU NAM	P8	51	1	14			89	KH-THAC	Vietnamese
13	LÊ QUANG HIEN	P8						77	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN HỮU DUNG	P8	54	1	7			57	KH-THAC	Vietnamese
15	LÊ VĂN TÂN	P8	44	1	2			64	KH-THAC	Vietnamese
16	TRẦN CÔNG TÍNH	P8	48	1	9			63	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYỄN VIỆT HÒA	P8	49	1	5			61	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYỄN VĂN QUANG	P8	50	1	4			69	KH-THAC	Vietnamese
19	VŨ DUY TRƯỞNG	P8	55-56	2	14			76	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	P8	19	1.314	20	170	3	45	13		
2	P3	0	0	0	0	0	0	6		
3	BK19	0	0	0	0	0	0	3		
TOTAL		19	1.314	20	170	3	45	22		
WEIGHT KG			1.314		170		45			

GRAND TOAL: 1.529 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 01/11/2024	TO: BK21 - TTC2 - TTC3	AIRCRAFT: 406	ETD: 09:50
FLIGHT: 03	FROM: VT	CREW: LTUÂN - N.CƯƠNG -	ETA: 11:40
XANH-2		MQUÂN	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	LÊ VĂN TOÀN	BK21	30	1	4			68	KH-THAC	Vietnamese
2	HOANG TRỌNG PHÚC	BK21	32-33	2	19			70	KH-THAC	Vietnamese
3	VŨ ĐỨC DŨNG	BK21	27	1	10	2	40	89	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN XUÂN THẮNG	BK21	25	1	10	1	16	54	XAYLAP	Vietnamese
5	LÊ SƠN	BK21	23-24	2	14			70	XAYLAP	Vietnamese
6	PHAN THANH NGHIỆM	BK21	28	1	10	1	17	65	XAYLAP	Vietnamese
7	HỒ NGHĨA DŨNG	BK21	34	1	10	1	14	77	XAYLAP	Vietnamese
8	NGUYỄN TIẾN THUẬT	BK21	31	1	10			80	PSV	Vietnamese
9	HOANG QUỐC BAO	TTC2	63	1	3			60	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN TRƯỞNG AN	TTC2	95	1	10			83	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN TUẤN MINH	TTC2	94	1	11			79	KH-THAC	Vietnamese
12	HOANG VĂN THỰC	TTC2	65	1	7	3	45	50	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN VĂN HUYNH	TTC2	64	1	4			75	PSV	Vietnamese
14	HOANG TRUNG HẬU	TTC3	56-57	2	11			65	KH-THAC	Vietnamese
15	BẠCH ANH TUẤN	TTC3	59	1	6			67	KH-THAC	Vietnamese
16	TẠ MẠNH HÙNG	TTC3	54-55	2	19			67	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYỄN VĂN BẠC	TTC3	58	1	5			60	KH-THAC	Vietnamese
18	PHAN XUÂN HÒA	TTC3				1	20	72	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	BK21	8	573	10	87	5	87	5		
2	TTC2	5	347	5	35	3	45	4		
3	TTC3	5	331	6	41	1	20	7		
TOTAL		18	1.251	21	163	9	152	16		
WEIGHT KG			1.251		163		152			

GRAND TOAL: 1.566 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

Lưu VSD



FLIGHT MANIFEST



DATE: 01/11/2024	TO: P6 - BK15 - BK8	AIRCRAFT: 428	ETD: 09:55
FLIGHT: 4	FROM: VT	CREW: HÙNG - M.ĐỨC - HUY	ETA: 11:45
CAM-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	NGUYỄN LAM GIANG	P6	88	1	5			77	KH-THAC	Vietnamese
2	PHẠM NGỌC AN	P6	84-85	2	12			74	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN VĂN PHỤ	P6	79	1	3			80	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN TRỌNG BẠCH	P6	87	1	11			65	KH-THAC	Vietnamese
5	TRẦN HUY THÔNG	P6	77	1	3			78	KH-THAC	Vietnamese
6	ĐO TRƯỜNG DIỄN	P6	83	1	5			73	KH-THAC	Vietnamese
7	LÊ ĐÌNH HUÂN	P6	82	1	5			55	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN VĂN TRƯỞNG	P6	86	1	5			66	PSV	Vietnamese
9	HÀ QUỐC VINH	P6	94	1	4			69	PSV	Vietnamese
10	ĐẶNG XUÂN ĐƯƠNG	P6	81	1	3			70	PSV	Vietnamese
11	HỒ QUỐC VŨ	P6	78	1	6			70	PSV	Vietnamese
12	LÊ MINH KHUÔNG	P6	80	1	5			82	PSV	Vietnamese
13	HỒ QUANG HIỆP	P6	89-90	2	10			67	DK9	Vietnamese
14	NGUYỄN QUỐC KHANH	P6	91-93	3	13			84	YTE	Vietnamese
15	NGUYỄN QUỐC HAI	BK15	48-49	2	10	1	20	68	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN DUƠNG HỒE	BK15	52	1	4			71	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYỄN ĐÌNH THẮNG	BK15	50	1	3			69	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYỄN ĐỨC TUNG	BK15	51	1	3			60	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYỄN HOÀNG KHA	BK15	53	1	7			77	KH-THAC	Vietnamese
20	VŨ ĐÌNH QUANG	BK15	56-57	2	17			75	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYỄN VIỆT DŨNG	BK15	58-59	2	8			62	KH-THAC	Vietnamese
22	VŨ VĂN MINH	BK15	54-55	2	13	7	110	63	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	P6	14	1.010	18	90	0	0	11		
2	BK15	8	545	12	65	8	130	8		
3	BK8	0	0	0	0	3	52	3		
TOTAL		22	1.555	30	155	11	182	22		
WEIGHT KG			1.555		155		182			

GRAND TOAL: 1.892 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 01/11/2024		TO: TD1 - P1 - BK4			AIRCRAFT: 406			ETD: 12:10		
FLIGHT: 5		FROM: VT			CREW: LINH - HTRUNG -			ETA: 14:00		
XANH-3					QTRƯỜNG					
No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	KOLOSOV D. V.	TD1	14	1	10			78	KH-THAC	Russian
2	NGUYỄN VĂN CHIẾN	TD1	37	1	10	3	53	65	XAYLAP	Vietnamese
3	BOIKO D. N.	TD1	17	1	14			120	KH-THAC	Russian
4	NGUYỄN TUẤN MINH	TD1	15	1	8			65	KH-THAC	Vietnamese
5	VŨ HAI THĂNG	TD1	22	1	13			72	DVL	Vietnamese
6	ĐẠO VĂN YẾN	TD1	23	1	10			64	DVL	Vietnamese
7	DƯƠNG THẾ ĐỨC	TD1	21	1	13	1	15	76	DVL	Vietnamese
8	PHẠM XUÂN HÙNG	TD1	35	1	10			68	DVL	Vietnamese
9	PHẠM VĂN TƯỜNG	TD1	40	1	11			82	DVL	Vietnamese
10	TRẦN CÔNG CHIẾN	TD1	36	1	13			80	DVL	Vietnamese
11	HUYNH VŨ TÍNH	TD1	32	1	10			64	DVL	Vietnamese
12	NGUYỄN NGỌC BÌNH	TD1	31	1	13			70	DVL	Vietnamese
13	PHẠM TÙNG VY	TD1	29	1	14			69	DVL	Vietnamese
14	LÊ VĂN TÍNH	TD1	38-39	2	5			63	PSV	Vietnamese
15	PHAN VĂN THỊNH	P1	19	1	7			75	NIPI	Vietnamese
16	TRẦN ĐẠI THIỆU	P1	20	1	5			90	NIPI	Vietnamese
17	VŨ QUỐC VƯƠNG	P1	21-22	2	13			75	XAYLAP	Vietnamese
18	HOÀNG THANH SƠN	P1	27	1	11			68	XAYLAP	Vietnamese
19	NGUYỄN HỒNG QUÂN	P1	26	1	12			80	XAYLAP	Vietnamese
20	TRAN VAN DAT	P1	23-24	2	15			65	XAYLAP	Vietnamese
21	NGO DINH NHAT MINH	P1	25	1	11			85	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	TD1	14	1.036	15	154	4	68	5		
2	P1	7	538	9	74	0	0	10		
3	BK4	0	0	0	0	0	0	6		
TOTAL		21	1.574	24	228	4	68	21		
WEIGHT KG			1.574		228		68			

GRAND TOAL: 1.870 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 01/11/2024	TO: BK14 - CTK3 - P8	AIRCRAFT: 428	ETD: 12:13
FLIGHT: 6	FROM: VT	CREW: KHOÀN - NPHÚ - NNAM	ETA: 14:05
TRANG-3			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	NGUYEN BA LINH	BK14	78	1	10	1	20	65	KH-THAC	Vietnamese
2	ĐẶNG ĐÌNH NGỌC	BK14	79	1	10	3	40	79	XAYLAP	Vietnamese
3	TRAN THANH HOANG	BK14	80-81	2	20			68	KH-THAC	Vietnamese
4	LE XUAN TRUNG	P8	68	1	6			90	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYEN THANH VINH	P8	71	1	4			77	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYEN TRONG TIEN	P8	72	1	5			61	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYEN BA DAT	P8	77	1	8			72	KH-THAC	Vietnamese
8	NGO VAN ĐON	P8	69	1	4			60	KH-THAC	Vietnamese
9	PHẠM VŨ NHẬT QUANG	P8	75	1	10			73	KH-THAC	Vietnamese
10	HỒ CHÈ LINH	P8	76	1	5			70	KH-THAC	Vietnamese
11	CHU QUYNH AN	P8	65-66	2	8			105	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYEN VAN LỢI	P8	70	1	11			64	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYEN VAN KHUE	P8	73-74	2	16			66	KH-THAC	Vietnamese
14	TUÔNG ANH CAC	P8	67	1	5			62	KH-THAC	Vietnamese
15	LE ĐỨC CUÔNG (1967)	P8	64	1	8			54	PSV	Vietnamese
16	NGUYEN XUAN NHAN	P8	78-79	2	12			73	YTE	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	BK14	3	212	4	40	4	60	2		
2	CTK3	0	0	0	0	3	60	7		
3	P8	13	927	16	102	0	0	13		
TOTAL		16	1.139	20	142	7	120	22		
WEIGHT KG			1.139		142		120			

GRAND TOAL: 1.401 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 01/11/2024	TO: P10 - TD5 - CLO	AIRCRAFT: 406	ETD: 14:30
FLIGHT: 7	FROM: VT	CREW: LINH - HTRUNG - QTRƯỜNG	ETA: 16:00
DO-4			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	VÔ VĂN HIỆP	P10	76-77	2	17			73	XAYLAP	Vietnamese
2	PHẠM VĂN VUI	P10	68-69	2	15			61	XAYLAP	Vietnamese
3	TRẦN MINH HOÀNG	P10	72	1	10			65	XAYLAP	Vietnamese
4	NGUYỄN VĂN THUẬN	P10	79-80	2	17			68	XAYLAP	Vietnamese
5	PHẠM NGỌC NAM	P10	61-62	2	20			67	XAYLAP	Vietnamese
6	NGUYỄN TRƯỜNG GIANG	P10	74-75	2	19			77	XAYLAP	Vietnamese
7	NGUYỄN TUẤN ANH	P10	63-64	2	18			77	XAYLAP	Vietnamese
8	ĐỖ XUÂN HIỆP	P10	70-71	2	20			74	XAYLAP	Vietnamese
9	HOÀNG PHẠM ĐẠI	P10	26-27	2	19			59	XAYLAP	Vietnamese
10	TRẦN DANH LUẬT	P10	28-29	2	16			67	XAYLAP	Vietnamese
11	NGUYỄN THANH HÙNG	P10	73	1	17			72	XAYLAP	Vietnamese
12	PHAN VĂN ĐỨC	P10	59-60	2	18			77	XAYLAP	Vietnamese
13	LÊ CÚ	P10	30	1	17	2	15	67	XAYLAP	Vietnamese
14	HA VĂN NGHĨA	P10	66-67	2	19			62	XAYLAP	Vietnamese
15	NGUYỄN DINH CUONG	P10	65	1	4			80	PSV	Vietnamese
16	NGUYỄN QUỐC HÙNG	CLO	18	1	11			80	DVL	Vietnamese
17	TRẦN QUỐC HUƠNG	CLO	19-20	2	15			94	DVL	Vietnamese
18	LƯƠNG MẠNH HAI	CLO	16	1	16			81	DVL	Vietnamese
19	TRẦN VĂN HIỆP	CLO	17	1	15	1	4	74	DVL	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	P10	15	1.046	26	246	2	15	1		
2	TD5	0	0	0	0	0	0	18		
3	CLO	4	329	5	57	1	4	1		
TOTAL		19	1.375	31	303	3	19	20		
WEIGHT KG			1.375		303		19			

GRAND TOAL: 1.697 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 01/11/2024	TO: RC10 - TTC1 - P6	AIRCRAFT: 406	ETD: 07:32
FLIGHT: 01	FROM: VT	CREW: LTUẤN - N.CƯỜNG -	ETA: 09:20
XANH-1		MQUẢN	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	PHUNG HA TAI	TTC1	81-83	3	20			110	KH-THAC	Vietnamese
2	PHAM TRUNG THUY	TTC1	85	1	7			69	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYEN HUY HUNG	TTC1	80	1	14			62	KH-THAC	Vietnamese
4	VU HUNG TUAN	TTC1	84	1	5			71	KH-THAC	Vietnamese
5	HOANG TRUNG ĐỨC	TTC1	31	1	6			80	PSV	Vietnamese
6	LUU THE ANH	P6	71	1	7			75	KH-THAC	Vietnamese
7	VAN MINH TAN	P6	65	1	5			63	KH-THAC	Vietnamese
8	PHAM VAN ĐOÀ	P6	63	1	5			55	KH-THAC	Vietnamese
9	BUI HUU HUÂN	P6	69-70	2	14			68	KH-THAC	Vietnamese
10	HOANG TUÂN	P6	66	1	4			68	KH-THAC	Vietnamese
11	TRẦN VĂN BĂNG	P6	74	1	6			75	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYEN ANH HAO	P6	37	1	10			78	KH-THAC	Vietnamese
13	ĐẶNG LONG HAI	P6	67-68	2	7			70	KH-THAC	Vietnamese
14	MAI MẠNH KHANH CƯỜNG	P6	62	1	10			80	KH-THAC	Vietnamese
15	TRẦN ĐÌNH ĐỨC	P6	76	1	8			66	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYEN ĐÌNH QUANG	P6	64	1	10			65	KH-THAC	Vietnamese
17	LÊ TRUNG TUÂN	P6	75	1	15			74	KH-THAC	Vietnamese
18	HOANG NAM HAI	P6	72-73	2	12			89	KH-THAC	Vietnamese
19	LAM VAN KHUÔNG	P6	53	1	5			67	KH-THAC	Vietnamese
20	CAO MINH HOANG	P6	51	1	7			73	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	RC10	0	0	0	0	1	12	0 + 2		CHUYEN 2 PAX RC10-TTC1
2	TTC1	5	392	7	52	0	0	6		
3	P6	15	1.066	18	125	0	0	16		
TOTAL		20	1.458	25	177	1	12	22		
WEIGHT KG			1.458		177		12			

GRAND TOAL: 1.647 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

LD VIETSOVPETRO
TRƯỞNG BAN DBTT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 02/11/2024

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		RP3+RP2+VSP01	7:25	12+2+8	0+0+0		8+0+14	0+0+0	chuyen 3 rp3-rp2
2		PPD+CTC1+RP3	7:25	15+2+5	0+0+0		10+0+12	0+0+0	
3		AMD+TGTH4+TGTH5	9:25	15+5+2	0+0+0		12+5+5	0+0+0	
4		P11+P4	9:25	4+17	0+0		3+19	0+0	
5		T.UNG	11:15	19	0		19	0	
6		VSP01	11:25	22	0		22	0	
7		BK5+PPD+AMD	11:25	0+19+2	0+0+0		0+16+6	0+0+0	chuyen 1 bk5-ppd

TTBDSX



FLIGHT MANIFEST



DATE: 02/11/2024	TO: RP3 - RP2 - VSP01	AIRCRAFT: 428	ETD: 07:30
FLIGHT:	FROM: VT	CREW: DƯƠNG - NPHÚ - TOAN	ETA: 09:20
XANH-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	NGUYỄN TRỌNG TUÂN	RP3						88	KHI	Vietnamese
2	LÊ ĐỨC VIỆT	RP3	07	1	4			71	KHI	Vietnamese
3	HA VĂN THUY	RP3	04	1	5			70	KHI	Vietnamese
4	NGUYỄN VĂN CỬ	RP3	01	1	3			58	KHI	Vietnamese
5	BUI VĂN PHÚ	RP3	06	1	3			73	KHI	Vietnamese
6	TRẦN THANH ĐỨC	RP3	02-03	2	10			96	KHI	Russian
7	NGUYỄN HOÀNG NAM	RP3				1	8	89	KHI	Vietnamese
8	NGUYỄN CHÍNH THỊ	RP3	08	1	4			74	KHI	Vietnamese
9	LÊ HOÀNG ANH	RP3	10	1	5			67	KHI	Vietnamese
10	ĐƯƠNG HỒNG QUÂN	RP3	05	1	7			74	KHI	Vietnamese
11	PHẠM VĂN THIẾT	RP3	09	1	8	3	42	64	KHI	Vietnamese
12	NGUYỄN QUỐC BAO BÌNH	RP3						64	KHI	Vietnamese
13	LƯU SÙNG BA	RP2	801	1	5	3	53	62	XAYLAP	Vietnamese
14	NGUYỄN XUÂN ĐĂNG	RP2	802-803	2	19	1	20	52	XAYLAP	Vietnamese
15	ĐẶNG BÀ ĐIỀU	VSP01	901-903	3	11			58	YTE	Vietnamese
16	CHERNYSHEV V.A	VSP01	904	1	5			117	KH-THAC	Russian
17	VÔ QUANG HUY	VSP01	909	1	7	1	14	80	KH-THAC	Vietnamese
18	TRƯƠNG THANH PHÚ	VSP01						67	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYỄN DUY PHÚC	VSP01	906	1	8			78	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYỄN VĂN TUÂN	VSP01	908	1	6			72	KH-THAC	Vietnamese
21	NGO XUÂN ĐỨC	VSP01	907	1	5			78	KH-THAC	Vietnamese
22	NGUYỄN QUANG MINH	VSP01	905	1	7			85	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	RP3	12	888	10	49	4	50	8 + 3		CHUYEN 3PAX+100KG + 100KG RP3-RP2
2	RP2	2	114	3	24	4	73	0		
3	VSP01	8	635	9	49	1	14	14		
TOTAL		22	1.637	22	122	9	137	22		
WEIGHT KG			1.637		122		137			

GRAND TOAL: 1.896 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

Luu VSP



FLIGHT MANIFEST

DATE: 02/11/2024	TO: PPD - CTC1 - RP3	AIRCRAFT: 406	ETD: 07:35
FLIGHT: 2	FROM: VT	CREW: N.ANH - QVIỆT - NNAM	ETA: 09:25
CAM-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	PHAN NGOC AN	PPD	44-45	2	7			74	CODIEN	Vietnamese
2	TRAN SON TUNG	PPD	47	1	10			70	CODIEN	Vietnamese
3	LE NGOC HIỆP	PPD	48-49	2	13			81	CODIEN	Vietnamese
4	ĐẶNG HỒNG QUAN	PPD	53	1	3			75	KHI	Vietnamese
5	TRAN NGUYEN TAN TAI	PPD	56	1	5			87	KHI	Vietnamese
6	HUYNH TAN THANH	PPD	57	1	7			70	KHI	Vietnamese
7	VU THANH BINH	PPD	50	1	5			81	KHI	Vietnamese
8	ĐẶNG PHÚC THẮNG	PPD	52	1	4			90	KHI	Vietnamese
9	VÔ QUANG ĐẠT	PPD	59	1	5			60	KHI	Vietnamese
10	LE HONG PHONG	PPD	55	1	5			78	KHI	Vietnamese
11	PHAM ĐỨC TUẤN	PPD	58	1	4			69	KHI	Vietnamese
12	NGUYỄN VIỆT ĐẠI	PPD	51	1	4			70	KHI	Vietnamese
13	NGUYỄN TIẾN QUANG	PPD	46	1	4			70	KHI	Vietnamese
14	NGUYỄN MINH KHOAN	PPD	54	1	6			85	KHI	Vietnamese
15	ĐO VĂN THANH	CTC1	61	1	7	4	60	87	CODIEN	Vietnamese
16	DƯƠNG HỮU THUẬN	CTC1	60	1	5	1	10	63	CODIEN	Vietnamese
17	TRỊNH QUANG HUY	RP3				4	70	70	KHI	Vietnamese
18	LE XUAN HIEN	RP3	62	1	7			80	KHI	Vietnamese
19	BUI KHÁC THUY	RP3	60-61	2	20			67	XAYLAP	Vietnamese
20	NGUYỄN VĂN TOÀN	RP3	58-59	2	17			60	XAYLAP	Vietnamese
21	NGUYỄN QUỐC VIỆT	RP3	57	1	10			57	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	PPD	14	1.060	16	82	0	0	11		
2	CTC1	2	150	2	12	5	70	0		
3	RP3	5	334	6	54	4	70	11		
TOTAL		21	1.544	24	148	9	140	22		
WEIGHT KG			1.544		148		140			

GRAND TOTAL: 1.832 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 02/11/2024	TO: AMD - TGTH4 - TGTH5	AIRCRAFT: 428	ETD: 09:50
FLIGHT:	FROM: VT	CREW: DƯƠNG - NPHÚ - TOAN	ETA: 11:40
TRANG-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	NGUYỄN VĂN AN	AMD	36	1	5	5	90	60	KH-THAC	Vietnamese
2	BUI MINH KHA	AMD	29	1	4			60	KH-THAC	Vietnamese
3	LÊ ĐỨC TÂM	AMD	31	1	6			70	KH-THAC	Vietnamese
4	TRẦN ĐÌNH HIẾU	AMD	30	1	5			71	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN VĂN SƠN	AMD	27	1	5			64	KH-THAC	Vietnamese
6	BUI TRẦN LIÊM	AMD	39	1	5			61	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN VĂN TÂN	AMD	32	1	4			76	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN ĐỨC HẬU	AMD	33	1	6			69	KH-THAC	Vietnamese
9	TÀNG XUÂN HAI	AMD	38	1	6			58	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN QUỐC LAI	AMD	28	1	5			73	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN NGỌC ĐỨC	AMD	40	1	5			88	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN THANH TÂN	AMD	34	1	7			77	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN NGỌC THU	AMD	37	1	8			71	KH-THAC	Vietnamese
14	VU NGỌC DƯƠNG	AMD	41-42	2	9			68	KH-THAC	Vietnamese
15	HOANG HỒ NGHĨA	AMD	35	1	10			70	KH-THAC	Vietnamese
16	NGO SY DUC	TGTH4	56-57	2	21			96	HLJOC	Vietnamese
17	LÊ THANH DANH	TGTH4	58	1	11			68	KH-THAC	Vietnamese
18	LÊ VINH QUANG	TGTH4	59-60	2	8			65	KH-THAC	Vietnamese
19	VÌ TRẦN TÂN THUẬN	TGTH4	61-62	2	14			66	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYỄN THANH SỰ	TGTH4	55	1	6			64	PSV	Vietnamese
21	THAI THANH THẢO	TGTH5	07	1	8			74	KH-THAC	Vietnamese
22	PHẠM TÂN ANH ĐỨC	TGTH5	05-06	2	10			67	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	AMD	15	1.036	16	90	5	90	12		
2	TGTH4	5	359	8	60	0	0	5		
3	TGTH5	2	141	3	18	0	0	5		
TOTAL		22	1.536	27	168	5	90	22		
WEIGHT KG			1.536		168		90			

GRAND TOAL: 1.794 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 02/11/2024	TO: T.UNG	AIRCRAFT: 622	ETD: 11:15
FLIGHT: 05	FROM: VT	CREW: MTIEN - TTRUNG	ETA: 14:25
XANH-3			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	NGUYEN TRUNG KIEN	T.UNG						65	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYEN VAN CHINH	T.UNG	65	1	5			61	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYEN VU QUYEN	T.UNG	74	1	8			62	KH-THAC	Vietnamese
4	BUI TRONG SON	T.UNG	69	1	10			68	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYEN MINH TRI	T.UNG	59	1	4			67	KH-THAC	Vietnamese
6	VU TIEN VINH	T.UNG	70	1	4			65	KH-THAC	Vietnamese
7	LE NGOC TOAN	T.UNG	68	1	6			68	KH-THAC	Vietnamese
8	HO DINH HUY	T.UNG	67	1	5			64	KH-THAC	Vietnamese
9	TRAN VAN SON	T.UNG	66	1	5			65	KH-THAC	Vietnamese
10	VU QUANG THONG	T.UNG						69	KH-THAC	Vietnamese
11	DANG DINH THANG	T.UNG	60	1	5			75	KH-THAC	Vietnamese
12	DANG THAI SON	T.UNG	72-73	2	11			87	KH-THAC	Vietnamese
13	KIEU XUAN TAM	T.UNG						75	KH-THAC	Vietnamese
14	TRAN CONG LUC	T.UNG	71	1	7	3	50	65	XAYLAP	Vietnamese
15	BUI VAN HOI	T.UNG	58	1	12			53	XAYLAP	Vietnamese
16	PHAM MINH DUC	T.UNG	61-62	2	10	1	15	69	PVGAS	Vietnamese
17	PHAM VAN PHUONG	T.UNG	75-76	2	13			62	PVGAS	Vietnamese
18	NGUYEN BA HIUP	T.UNG	57	1	5			75	PVGAS	Vietnamese
19	PHAM DUY CHUNG	T.UNG	64	1	11			68	DK9	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	TUNG	19	1.283	19	121	4	65	19		
TOTAL		19	1.283	19	121	4	65	19		
WEIGHT KG			1.283		121		65			

GRAND TOAL: 1.469 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 02/11/2024	TO: P11 - P4	AIRCRAFT: 406	ETD: 09:55
FLIGHT: 4	FROM: VT	CREW: N.ANH - QVIỆT - NNAM	ETA: 11:45
CAM-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	LÊ MINH SY	P11	75	1	14			77	CODIEN	Vietnamese
2	LÊ ANH TUÂN	P11	72-73	2	13	5	60	71	CODIEN	Vietnamese
3	NGUYỄN HỮU HỒ	P11	74	1	9			68	CODIEN	Vietnamese
4	HOANG THAI LONG	P11	71	1	7			57	PSV	Vietnamese
5	LÊ NGỌC THẮNG	P4	95-96	2	20			85	KH-THAC	Vietnamese
6	TRƯỜNG THANH GIÁP	P4	90	1	5			71	KHI	Vietnamese
7	NGUYỄN QUANG HÀ	P4	98	1	4			68	KHI	Vietnamese
8	ĐO ĐỨC LONG	P4	93	1	5			60	KHI	Vietnamese
9	NGUYỄN MINH ĐỨC	P4	92	1	5			100	KHI	Vietnamese
10	HOANG TRỌNG TÂN	P4	99	1	5			75	KHI	Vietnamese
11	TRỊNH XUÂN HUYỀN	P4	82	1	4			79	KHI	Vietnamese
12	NGUYỄN TIỀN THANH	P4	83	1	5			64	KHI	Vietnamese
13	LÊ HUY CHUÔNG	P4	87	1	7			55	KHI	Vietnamese
14	NGUYỄN VĂN THỊNH	P4	400	1	5			75	KHI	Vietnamese
15	NGUYỄN VĂN ANH	P4	86	1	2			69	KHI	Vietnamese
16	HOANG THAI DƯƠNG	P4	97	1	5			71	KHI	Vietnamese
17	DƯƠNG CHÍ CÔNG	P4	85	1	6			96	CÔNG TY V	Vietnamese
18	PHẠM HỮU THỌ	P4	91	1	7			68	KHI	Vietnamese
19	NGUYỄN THANH GIÁP	P4	88	1	5	1	20	70	KHI	Vietnamese
20	LUONG THANH VU	P4	94	1	5			81	KHI	Vietnamese
21	NGUYỄN TRUNG THẮNG	P4	84	1	6			80	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	P11	4	273	5	43	5	60	3		
2	P4	17	1.267	18	101	1	20	19		
TOTAL		21	1.540	23	144	6	80	22		
WEIGHT KG			1.540		144		80			

GRAND TOAL: 1.764 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 02/11/2024	TO: VSP01	AIRCRAFT: 428	ETD: 12:10
FLIGHT: 06	FROM: VT	CREW: LINH - SON - TÚ	ETA: 14:00
CAM-3			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	HOANG TRỌNG CHUNG	VSP01	27	1	6			85	KH-THAC	Vietnamese
2	LÊ HAI NAM	VSP01	32-33	2	12			90	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN ĐỨC THÔNG	VSP01	39	1	9			74	KH-THAC	Vietnamese
4	ĐOÀN VIỆT ĐĂNG	VSP01	46-48	3	25			75	KH-THAC	Vietnamese
5	PHẠM HUY BÌNH	VSP01	43-44	2	10			90	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN VĂN NGHĨA	VSP01	21	1	4			70	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN QUỐC TUẤN	VSP01	29-30	2	15			72	KH-THAC	Vietnamese
8	TRẦN THẾ CUÔNG	VSP01	36	1	5			77	KH-THAC	Vietnamese
9	HUYNH VĂN THƠN	VSP01						74	KH-THAC	Vietnamese
10	ĐẶNG VIỆT THÀNH	VSP01	41-42	2	15			67	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN NGỌC BÈ	VSP01						64	KH-THAC	Vietnamese
12	PHAN DUY BÌNH	VSP01	24	1	4			61	KH-THAC	Vietnamese
13	TRẦN ANH TUẤN	VSP01	37	1	7			62	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN CÔNG QUÂN	VSP01	40	1	4			64	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN HUY THÔNG	VSP01	25	1	4			70	KH-THAC	Vietnamese
16	PHẠM VĂN TRƯỜNG	VSP01	45	1	7			62	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYỄN BA NGỌC	VSP01	31	1	4			58	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYỄN ANH THẮNG	VSP01	26	1	6			60	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYỄN SỸ HIỆU	VSP01	34-35	2	8			74	KH-THAC	Vietnamese
20	TRẦN XUÂN THUY	VSP01	22-23	2	7			72	KH-THAC	Vietnamese
21	LÊ THANH TUẤN	VSP01	38	1	8			87	ANTOAN	Vietnamese
22	HÀN VĂN HIỆU	VSP01	28	1	9			78	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	VSP01	22	1.586	28	169	0	0	22		
TOTAL		22	1.586	28	169	0	0	22		
WEIGHT KG			1.586		169		0			

GRAND TOAL: 1.755 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

[Signature]

[Signature]



FLIGHT MANIFEST



DATE: 02/11/2024	TO: BK5 - PPD - AMD	AIRCRAFT: 406	ETD: 12:15
FLIGHT: 7	FROM: VT	CREW: CHIẾN - HTRUNG - HIẾU	ETA: 14:05
VANG-3			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	CAO NAM QUÝ	PPD	37	1	5			70	KHI	Vietnamese
2	NGUYEN TRUONG SON	PPD	42	1	7			61	KHI	Vietnamese
3	ĐÀO VIỆT HÙNG	PPD	34	1	10			64	KHI	Vietnamese
4	TRẦN NGUYỄN PHƯƠNG	PPD	35	1	3			67	KHI	Vietnamese
5	PHẠM ĐỨC TOÀN LỘC	PPD	40	1	2			89	KHI	Vietnamese
6	ĐẶNG SỰ	PPD	30-31	2	12			80	CODIEN	Vietnamese
7	NGUYỄN XUÂN ĐẠT	PPD	21	1	17	2	25	78	CODIEN	Vietnamese
8	TRẦN NGỌC LINH	PPD	43	1	5			63	KHI	Vietnamese
9	NGUYỄN VĂN CHIẾN	PPD	39	1	5			55	KHI	Vietnamese
10	TRẦN SƠN HAI	PPD	41	1	4			75	KHI	Vietnamese
11	LÊ HUY VINH	PPD	38	1	5			65	KHI	Vietnamese
12	VŨ VĂN CHIẾN	PPD	36	1	5			72	KHI	Vietnamese
13	ĐÀO ANH TUÂN	PPD	27	1	5			60	KHI	Vietnamese
14	KHÔNG QUỐC TIẾN	PPD	33	1	12			73	XAYLAP	Vietnamese
15	NGUYỄN KHÁNH HOÀNG	PPD	32	1	15			70	XAYLAP	Vietnamese
16	VŨ HỒNG PHONG	PPD	28-29	2	15			64	XAYLAP	Vietnamese
17	PHẠM VIỆT HOÀNG	PPD	25	1	4			51	PSV	Vietnamese
18	ĐO HUY KHANH	PPD	26	1	12			82	PSV	Vietnamese
19	TRƯƠNG TRỌNG THI	PPD	24	1	5	2	23	70	T-TIN	Vietnamese
20	VŨ XUÂN ĐỨC	AMD	22-23	2	10	3	50	72	KH-THAC	Vietnamese
21	TRẦN VĂN QUYẾT	AMD	24	1	4			74	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	BK5	0	0	0	0	1	20	0+		CHUYEN 1 PAX BK5-PPD
2	PPD	19	1.309	21	148	4	48	16		
3	AMD	2	146	3	14	3	50	6		
TOTAL		21	1.455	24	162	8	118	22		
WEIGHT KG			1.455		162		118			

GRAND TOAL: 1.735 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN